



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

5. 4.

911. Uccamidaṃ maṇithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasā yojanāni,
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veḷuriyatthambhā rucakatthatā¹ subhā.
912. Tatthacchasi pivasi khādasi ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ,²
dibbā rasā kāmaguṇettha pañca
nāriyo ca naccanti suvaṇṇachannā.
913. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.

¹ ruciratthatā - Syā.

² vaggū - Syā, PTS.

5. 4.

911. Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni ở xung quanh mười hai do-tuần, bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

912. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, có các vị nếm thuộc cõi Trời, ở đây có năm loại dục lạc, và có các phụ nữ trang phục bằng vàng nhảy múa.

913. Do điều gì người có được màu da như thế ấy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho người ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho người?

914. Pucchāmi taṃ deva mahānubhāva
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
915. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
916. Satiṃ samuppādakaro¹ dvāre kakkāṭako ṭhito,
niṭṭhito jātārūpassa sobhati dasapādako.
917. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
918. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati 'ti.

Kakkāṭakarasadāyakavimānaṃ.²

5. 5.

919. Uccamidaṃ mañithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasa yojanāni,
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veluriyatthambhā rucakatthatā subhā.
920. Tatthacchasi pivasi khādasi ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ,
dibbā rasā kāmaguṇettha pañca
nāriyo ca naccanti suvaṇṇachannā.
921. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
922. Pucchāmi taṃ deva mahānubhāva
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.
923. So devaputtā attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassakammassidaṃ phalaṃ.

¹ satisamuppādakaro - Ma, Syā, PTS.

² kakkāṭakarasadāyakavimānaṃ - PTS.

914. Hỡi Thiên nhân có đại oai lực, ta hỏi người, khi là con người người đã làm việc phước gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng tất cả các phương?”

915. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

916. Con cua, có mười chân, được gắn ở cánh cửa, làm sanh khởi ký ức, đã được hoàn tất, bằng vàng, chiếu sáng.

917. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

918. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.”

Thiên Cung của Người Bồ Thí Xúp Cua.

5. 5.

919. Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni ở xung quanh mười hai do-tuần, bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

920. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, có các vị nếm thuộc cõi Trời, ở đây có năm loại dục lạc, và có các phụ nữ trang phục bằng vàng nhảy múa.

921. Do điều gì người có được màu da như thế ấy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho người ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho người?

922. Hỡi Thiên nhân có đại oai lực, ta hỏi người, khi là con người người đã làm việc phước gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng tất cả các phương?”

923. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

924. Dibbaṃ mamaṃ¹ vassasahassamāyu
vācābhigītaṃ manasā pavattitaṃ,
ettāvatā t̥hassati puññakammo
dibbehi kāmehi samaṅgibhūto.
925. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
926. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati ”ti.

Dvārapālaka²vimānaṃ.

5. 6.

927. Uccamidaṃ maṇithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasa yojanāni
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veḷuriyatthambhā rucakatthatā subhā.
928. Tatthacchasi pivasi khādasi ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ
dibbā rasā kāmaguṇettha pañca
nāriyo ca naccanti suvaṇṇachannā.
929. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.
930. Pucchāmi taṃ deva mahānubhāva
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati ’ti.
931. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
932. Karaṇiyāni puññāni paṇḍitena vijānatā,
sammaggatesu³ buddhesu yattha dinnāṃ mahapphalaṃ.

¹ mama - Syā.

² dvārapāla - Ma.

³ sammaggatesu - Syā.

924. Tuổi thọ thuộc cõi Trời một ngàn năm của tôi là đã được thừa gởi bằng lời, đã được vận hành bởi ý; chỉ với chừng ấy người có hành động phước thiện sẽ tồn tại, được thọ hưởng các dục ở cõi Trời.

925. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

926. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.”

Thiên Cung của Người Giữ Cửa.

5. 6.

927. Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni ở xung quanh mười hai do-tuần, bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

928. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, có các vị nếm thuộc cõi Trời, ở đây có năm loại dục lạc, và có các phụ nữ trang phục bằng vàng nhảy múa.

929. Do điều gì người có được màu da như thế ấy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho người ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho người?

930. Hỏi Thiên nhân có đại oai lực, ta hỏi người, khi là con người người đã làm việc phước gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng tất cả các phương?”

931. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

932. Các việc phước thiện là những việc nên được thực hiện bởi người sáng trí, bởi người có sự nhận thức, ở nơi chư Phật là những vị đã thực hành đúng đắn, là nơi mà vật đã được bố thí có quả báu lớn.

933. Atthāya vata me buddho arañña gāmamāgato,
tattha cittaṃ pasādetvā tāvatimsūpago ahaṃ.¹

934. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

935. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati 'ti.

Karaṇīya²vimānaṃ.

5. 7.

936. Uccamidaṃ mañithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasa yojanāni
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veluriyatthambhā rucakatthatā subhā.

937. Tatthacchasi pivasi khādasi ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ,
dibbā rasā kāmaguṇettha pañca
nāriyo ca naccanti suvaṇṇachattā.

938. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.

939. Pucchāmi taṃ deva mahānubhāva
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.

940. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

941. Karaṇīyāni puññāni paṇḍitena vijānatā,
sammaggatesu³ bhikkhūsu yattha dinnaṃ mahapphalaṃ.

¹ ahuṃ - Sīmu.

² paṭhamakaraṇīya - Ma.

³ samaggatesu - Syā.

933. Quả thật vì sự lợi ích của tôi, đức Phật đã từ khu rừng đi đến ngôi làng. Sau khi khởi tâm tịnh tín ở Ngài, tôi đã đi đến cõi Trời Đạo Lợi.

934. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

935. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.”

Thiên Cung do Việc Nên Làm.

5. 7.

936. Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni ở xung quanh mười hai do-tuần, bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

937. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, có các vị nếm thuộc cõi Trời, ở đây có năm loại dục lạc, và có các phụ nữ trang phục bằng vàng nhảy múa.

938. Do điều gì người có được màu da như thế ấy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho người ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho người?

939. Hỡi Thiên nhân có đại oai lực, ta hỏi người, khi là con người người đã làm việc phước gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng tất cả các phương?”

940. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

941. Các việc phước thiện là những việc nên được thực hiện bởi người sáng trí, bởi người có sự nhận thức, ở nơi các vị tỳ khưu là những vị đã thực hành đúng đắn, là nơi mà vật đã được bố thí có quả báu lớn.

942. Atthāya vata me bhikkhu¹ arañña gāmamāgato,²
tatha cittaṃ pasādetvā tāvatimsūpago ahaṃ.

943. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

944. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhasatī 'ti.

Dutiyakaraṇīyavimānaṃ.

5. 8.

945. Uccamidaṃ maṇithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasa yojanāni,
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veluriyatthambhā rucakatthatā subhā.

946. Tatthacchasi pivasi khādasi ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ,
dibbā rasā kāmagaṇettha pañca
nāriyo ca naccanti suvaṇṇachannā.

947. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.

948. Pucchāmi taṃ deva mahānubhāva
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.

949. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

950. Yaṃ dadāti na taṃ hoti
yañceva dajjā tañceva seyyo
sūci dinnā sūcimeva seyyo.

¹ bhikkhū - Syā, PTS.

² gāmamāgatā - Syā, PTS.

942. Quả thật vì sự lợi ích của tôi, vị tỳ khưu đã từ khu rừng đi đến ngôi làng. Sau khi khởi tâm tịnh tín ở Ngài, tôi đã đi đến cõi Trời Đạo Lợi.

943. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

944. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.”

Thiên Cung do Việc Nên Làm thứ nhì.

5. 8.

945. Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni ở xung quanh mười hai do-tuần, bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

946. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, có các vị nếm thuộc cõi Trời, ở đây có năm loại dục lạc, và có các phụ nữ trang phục bằng vàng nhảy múa.

947. Do điều gì người có được màu da như thế ấy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho người ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho người?

948. Hỏi Thiên nhân có đại oai lực, ta hỏi người, khi là con người người đã làm việc phước gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng tất cả các phương?”

949. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

950. Vật (được thành tựu) ấy không phải là vật đem ra bố thí. Chính vật (được thành tựu) ấy là tốt hơn chính cái vật đem ra bố thí. Đối với tôi, cây kim đã được bố thí, (quả thành tựu) còn tốt hơn chính cây kim.

951. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

952. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati ”ti.

Sūcivimānaṃ.

5. 9.

953. Uccamidam mañithūṇaṃ vimānaṃ
samantato dvādasa yojanāni,
kūṭāgārā sattasatā uḷārā
veḷuriyatthambhā rucakatthatā subhā.

954. Tatthacchasi pivasi khādasi ca
dibbā ca vīṇā pavadanti vagguṃ,
dibbā rasā kāmagaṇettha pañca
nāriyo ca naccanti suvaṇṇachannā.

955. Kena te tādiso vaṇṇo kena te idhamijjhati,
uppajjanti ca te bhogā ye keci manaso piyā.

956. Pucchāmi taṃ deva mahānubhāva
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati ’ti.

957. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

958. Ahaṃ manussesu manussabhūto,
purimāya jātiyā¹ manussaloke.

959. Addasaṃ virajaṃ bhikkhuṃ vipasannamanāvilam,
tassa adāsahaṃ sūciṃ pasanno sehi pāṇihi.²

¹ purimajātiyā - Ma.

² sakehi pāṇihi - Syā.

951. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

952. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.”

Thiên Cung do Cây Kim.

5. 9.

953. Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni ở xung quanh mười hai do-tuần, bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

954. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, có các vị nếm thuộc cõi Trời, ở đây có năm loại dục lạc, và có các phụ nữ trang phục bằng vàng nhảy múa.

955. Do điều gì người có được màu da như thế ấy? Do điều gì mà (sự việc) được thành tựu cho người ở nơi đây? Và (do điều gì) mà các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho người?

956. Hỏi Thiên nhân có đại oai lực, ta hỏi người, khi là con người người đã làm việc phước gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng tất cả các phương?”

957. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

958. Tôi, khi là con người ở giữa nhân loại, trong kiếp sống trước đây ở thế giới loài người, ...

959. ... tôi đã nhìn thấy vị tỳ khưu, bậc vô nhiễm, thanh tịnh, không bị khuấy động. Được tịnh tín, tôi đã tự tay dâng cây kim đến vị ấy.

960. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

961. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati ”ti.

Dutiyasūcivimānaṃ.

5. 10.

962. Susukkakhandhaṃ abhiruyha nāgaṃ
akācitaṃ¹ dantiṃ baliṃ mahājavam,
abhiruyha² gajavaram³ sukappitaṃ
idhāgamā vehāsayamantaḷikkhe.

963. Nāgassa dantesu duvesu nimmitā
acchodikā⁴ paduminiyo suphullā,
padumesu ca turiyagaṇā pavajjare
imā ca naccanti manoharāyo.

964. Deviddhipattosi mahānubhāvo
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati ’ti.

965. So devaputto attamano moggallānena pucchito,
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.

966. Aṭṭheva muttapupphāni⁵ kassapassa mahesino,⁶
thūpasmiṃ abhiropesiṃ⁷ pasanno sehi pāṇihi.

967. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

968. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati ”ti.

Nāga⁸vimānaṃ.

¹ akācinaṃ - Ma, Syā; ākācinaṃ - PTS.

² āruyha - PTS.

³ gajaṃ pavaram - Syā.

⁴ acchodakā - Syā, Ma.

⁵ mutṭhipupphāni - Syā.

⁶ bhagavato - Syā.

⁷ abhiropayiṃ - Syā.

⁸ paṭhamanāga - Ma.

960. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

961. Thừa vị tỳ khuru có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.”

Thiên Cung do Cây Kim thứ nhì.

5. 10.

962. Sau khi cỡi lên con long tượng có thân trắng toát, không khuyết điểm, có ngà, có sức mạnh, có tốc độ vĩ đại, là con long tượng cao quý, dùng để cưỡi, đã khéo được sửa soạn, người đã đi đến nơi đây theo đường không trung, ở trên bầu trời.

963. Có những hồ sen với nước trong sạch, khéo nở rộ hoa, đã được hóa hiện ra ở hai ngà của con voi; có những nhóm nhạc cụ đã được vang lên ở những đóa sen, và có những phụ nữ quyến rũ này nhảy múa.

964. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, đã trở thành vị Thiên nhân có đại oai lực. Khi là con người người đã làm việc phước gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng tất cả các phương?”

965. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã nói rõ quả báu này là của nghiệp nào:

966. Được tịnh tín, tôi đã tự tay cúng dâng ở ngôi bảo tháp của bậc Đại Ấn Sĩ Kassapa chỉ có tám bông hoa đã bị đánh rơi.

967. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

968. Thừa vị tỳ khuru có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng tất cả các phương.”

Thiên Cung Long Tượng.